UBND TP. Hồ Chí Minh
Trường Đại Học Sài Gòn

Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Mẫu In X5110AB

THỜI KHÓA BIỂU

Học kỳ 1 - Năm học 14-15

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.
Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 1).

STT	Mã MH	Tên môn học	TC	Sĩ số SV	Họ Tên Cán Bộ Giảng Dạy		Mã CBGD	Nhóm	Thứ	Tiết BĐ	Số Tiết	Phòng	Lớp	Tuần Học 123456789012345678
1	834001	Giải tích 1	2	80	NGUYỄN THỊ THANH	LAN	10904	01	4	8	3	C.C107	DKM1141	4567890123
2	834003	Hoá học đại cương	2	80	LÊ CÔNG	NHÂN	10795	01	3	8	3	C.C107	DKM1141	4567890123
3	834004	Thực hành hoá đại cương	1	30	NGUYỄN THỊ	HOA	10907	01	5	1	5	C.A216	DCM1141 ...	890123
4	834004	Thực hành hoá đại cương	1	30	NGUYỄN THỊ	HOA	10907	02	6	6	5	C.A216	DCM1141 ...	890123
5	834004	Thực hành hoá đại cương	1	30	NGUYỄN THỊ QUỲNH	TRANG	10401	03	5	1	5	C.A214	DCM1141 ...	890123
6	834004	Thực hành hoá đại cương	1	30	NGUYỄN THỊ QUỲNH	TRANG	10401	04	6	1	5	C.A216	DCM1141 ...	890123
7	834004	Thực hành hoá đại cương	1	30	NGUYỄN THỊ QUỲNH	TRANG	10401	05	7	1	5	C.A216	DCM1141 ...	890123
8	834006	Đ/số tuyến tính & H/học giải tích	2	80	TÔN THẤT	TRÍ	10941	01	5	8	3	C.C103	DKM1141	4567890123
9	834008	Vật lý đại cương 2	2	50	LÊ CÔNG	NHÂN	10795	01	5	6	2	1.C301	DKM1131	123456789012345
10	834008	Vật lý đại cương 2	2	50	LÊ CÔNG	NHÂN	10795	02	3	1	2	C.A201	DKM1131	123456789012345
11	834009	Thực hành vật lý đại cương	1	30	HOÀNG VĂN	XUYẾN	10129	01	4	7	4	C.A412	DKM1131	12345678
12	834009	Thực hành vật lý đại cương	1	30	HOÀNG VĂN	XUYẾN	10129	02	2	7	4	C.A412	DKM1131	12345678
13	834009	Thực hành vật lý đại cương	1	30	HOÀNG VĂN	XUYẾN	10129	03	6	7	4	C.A412	DKM1131	12345678
14	834012	Tiếng Anh chuyên ngành 1	2	40	PHẠM NGUYỄN KIM	TUYẾN	10397	01	3	3	2	C.D305	DKM1121	123456789012345
15	834012	Tiếng Anh chuyên ngành 1	2	40	PHẠM NGUYỄN KIM	TUYẾN	10397	02	3	1	2	C.D401	DKM1121	123456789012345
16	834012	Tiếng Anh chuyên ngành 1	2	40	PHẠM NGUYỄN KIM	TUYẾN	10397	03	3	6	2	C.A304	DKM1121	123456789012345
17	834020	Hoá học hữu cơ	2	80	PHẠM NGUYỄN KIM	TUYẾN	10397	01	4	1	3	C.C105	DKM1141	4567890123
18	834021	Đại cương khoa học Trái đất	2	80	TRỊNH DUY	OÁNH	10175	01	2	8	3	C.C103	DKM1141	4567890123
19	834027	Đa dạng sinh học	2	50	NGUYỄN THỊ THU	HẰNG	10881	01	3	1	2	C.D405	DKM1131	123456789012345
20	834027	Đa dạng sinh học	2	50	NGUYỄN THỊ THU	HẰNG	10881	02	6	4	2	C.A304	DKM1131	123456789012345
21	834028	Sinh thái học đại cương	2	50	NGUYỄN THỊ THU	HẰNG	10881	01	4	4	2	C.D303	DKM1131	123456789012345
22	834028	Sinh thái học đại cương	2	50	HỒ KỲ QUANG	MINH	11025	02	3	6	2	C.D306	DKM1131	123456789012345
23	834042	Hóa môi trường	3	50	PHẠM NGUYỄN KIM	TUYẾN	10397	01	6	3	3	C.A303	DCM1131 ...	123456789012345
24	834042	Hóa môi trường	3	50	PHẠM NGUYỄN KIM	TUYẾN	10397	02	2	1	3	C.D403	DKM1131 ...	123456789012345
25	834042	Hóa môi trường	3	50	PHẠM NGUYỄN KIM	TUYẾN	10397	03	3	8	3	C.A507	CCM1131 ...	123456789012345

THỜI KHÓA BIỂU

STT	Mã MH	Tên môn học	TC	Sĩ số SV	Họ Tên Cán Bộ Giảng Dạy		Mã CBGD	Nhóm	Thứ	Tiết BĐ	Số Tiết	Phòng	Lớp	Tuần Học 123456789012345678
26	834042	Hóa môi trường	3	50	NGUYỄN THỊ QUỲNH	TRANG	10401	04	3	3	3	C.A201	DCM1131 ...	123456789012345
27	834045	Đánh giá tác động môi trường	2	50	VŨ THỤY HÀ	ANH	10947	01	4	4	2	C.A210	DKM1121	123456789012345
28	834045	Đánh giá tác động môi trường	2	50	ĐOÀN	TUÂN	10709	02	3	6	2	C.A308	DKM1121	123456789012345
29	834047	Độc học môi trường	2	50	PHẠM HỒNG	NHẬT	20272	01	2	3	3	C.D405	CCM1121 ...	1234567890
30	834047	Độc học môi trường	2	50	NGUYỄN THỊ QUỲNH	TRANG	10401	02	4	1	2	C.C104	CCM1121 ...	123456789012345
31	834047	Độc học môi trường	2	50	NGUYỄN THỊ QUỲNH	TRANG	10401	03	2	1	2	C.D205	DKM1121 ...	123456789012345
32	834048	Tin học ứng dụng trong môi trường	2	50	NGUYỄN NHỰT	ĐÔNG	10219	01	2	4	2	C.A105	DKM1131	123456789012345
33	834048	Tin học ứng dụng trong môi trường	2	50	NGUYỄN NHỰT	ĐÔNG	10219	02	5	3	2	C.A106	DKM1131	123456789012345
34	834051	Sinh hóa môi trường	2	65	DƯƠNG THỊ GIÁNG	HƯƠNG	10398	01	6	1	2	C.A307	DKM1131 ...	123456789012345
35	834051	Sinh hóa môi trường	2	65	DƯƠNG THỊ GIÁNG	HƯƠNG	10398	02	2	1	2	C.A308	DCM1131 ...	123456789012345
36	834051	Sinh hóa môi trường	2	65	TRƯƠNG THANH	CẢNH	23404	03	3	3	3	C.A016	DCM1131 ...	1234567890
37	834052	Địa chất môi trường	2	50	ĐOÀN	TUÂN	10709	01	5	1	2	C.D401	DKM1131	123456789012345
38	834052	Địa chất môi trường	2	50	VŨ THỤY HÀ	ANH	10947	02	6	4	2	C.C104	DKM1131	123456789012345
39	834054	Vi sinh môi trường	2	50	HỒ KỲ QUANG	MINH	11025	01	2	1	2	C.D103	CCM1121 ...	123456789012345
40	834054	Vi sinh môi trường	2	50	NGUYỄN THỊ THU	HẰNG	10881	02	4	1	2	C.A307	CCM1121 ...	123456789012345
41	834054	Vi sinh môi trường	2	50	NGUYỄN THỊ	TIẾT	27003	03	3	1	2	C.D305	DKM1121 ...	123456789012345
42	834055	Thực hành vi sinh môi trường	1	30	NGUYỄN THỊ NGỌC	THẢO	11067	01	5	6	5	C.A214	CCM1121 ...	234567
43	834055	Thực hành vi sinh môi trường	1	30	NGUYỄN THỊ NGỌC	THẢO	11067	02	6	1	5	C.A214	CCM1121 ...	234567
44	834055	Thực hành vi sinh môi trường	1	30	NGUYỄN THỊ NGỌC	THẢO	11067	03	7	1	5	C.A214	CCM1121 ...	234567
45	834055	Thực hành vi sinh môi trường	1	30	NGUYỄN THỊ THU	HẰNG	10881	04	5	1	5	C.A214	DKM1121 ...	234567
46	834055	Thực hành vi sinh môi trường	1	30	NGUYỄN THỊ THU	HẰNG	10881	05	6	6	5	C.A214	DKM1121 ...	234567
47	834064	Quản lý tài nguyên đất	2	45	NGUYỄN XUÂN	DŨ	10610	01	4	1	3	C.C103	DKM1111	1234567 901
48	834067	Quản lý môi trường biển và đới bờ	2	45	ĐOÀN	TUÂN	10709	01	4	8	3	3.A117	DKM1111	1234567 901
49	834070	Thực tế chuyên môn 2	1	45				01					DKM1111	
50	834071	Quan trắc môi trường	2	50	NGUYỄN THỊ QUỲNH	TRANG	10401	01	3	1	2	C.A510	CCM1121 ...	123456789012345
51	834071	Quan trắc môi trường	2	50	NGUYỄN THỊ QUỲNH	TRANG	10401	02	2	6	2	C.D105	CCM1121 ...	123456789012345
52	834071	Quan trắc môi trường	2	50	NGUYỄN THỊ	HOA	10907	03	4	1	2	C.D305	DKM1121 ...	123456789012345
53	834088	Năng lượng sạch	2	50	LÊ CÔNG	NHÂN	10795	01	2	6	2	C.A506	DKM1121	123456789012345
54	834088	Năng lượng sạch	2	50	DƯƠNG THỊ GIÁNG	HƯƠNG	10398	02	3	9	2	C.D105	DKM1121	123456789012345
55	834104	Tiếng Anh chuyên ngành 3	3	45	HỒ KỲ QUANG	MINH	11025	01	3	8	3	C.A201	DKM1111	1234567 9012345

THỜI KHÓA BIỂU

STT	Mã MH	Tên môn học	TC	Sĩ số SV	Họ Tên Cán Bộ Giảng Dạy	Mã CBGD	Nhóm	Thứ	Tiết BĐ	Số Tiết	Phòng	Lớp	Tuần Học 123456789012345678
56	834105	Công nghệ xử lý nước thải	2	45	DƯƠNG THỊ GIÁNG HƯƠNG	10398	01	5	8	3	C.D204	DKM1111	1234567 901
57	834106	Công nghệ sinh học môi trường	2	45	HỒ KỲ QUANG MINH	11025	01	3	1	3	C.D403	DKM1111	1234567 901
58	834107	Hệ sinh thái đất ngập nước (Wetland)	2	50	NGUYỄN XUÂN DŨ	10610	01	3	9	2	C.A509	DKM1121	123456789012345
59	834107	Hệ sinh thái đất ngập nước (Wetland)	2	50	NGUYỄN XUÂN DŨ	10610	02	4	4	2	C.D206	DKM1121	123456789012345

TP.HCM, Ngày 07 tháng 08 năm 2014
Người lập biểu